

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02 /2016/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 8 năm 2016

NGHỊ QUYẾT
Về phát triển kinh tế tập thể tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 - 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015 - 2020;

Xét Tờ trình số 76/TTr-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Nghị quyết về phát triển kinh tế tập thể tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 -2020; Báo cáo thẩm tra số 32/BC-HĐND ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Ban kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Nghị quyết về phát triển kinh tế tập thể tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 - 2020 với những nội dung như sau:

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh việc củng cố và phát triển các loại hình kinh tế tập thể trong các ngành, lĩnh vực kinh tế trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc, giá trị hợp tác và các quy định của pháp luật. Tạo sự chuyển biến tích cực trong kinh tế tập thể, góp phần xây dựng nông thôn mới, xóa đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của thành viên và cộng đồng dân cư.

b) Mục tiêu cụ thể

- Cụ thể hóa và thực hiện các chính sách hỗ trợ tổ hợp tác và hợp tác xã như: Chính sách hỗ trợ, khuyến khích thành lập hợp tác xã, chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý hợp tác xã, tổ hợp tác; chính sách về đất đai; chính sách về thuế, đầu tư và tín dụng; chính sách về khoa học công nghệ; chính sách về thị trường, xúc tiến thương mại; chính sách về phát triển cơ sở hạ tầng; chính sách phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã nông nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ xây dựng mô hình hợp tác xã điển hình tiên tiến.

- Thành lập mới mỗi năm ít nhất 20 hợp tác xã trở lên. Đến năm 2020, có trên 300 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (không kể các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có đăng ký nhưng ngừng hoạt động);
- Kinh tế tập thể thu hút khoảng 100.000 thành viên tham gia; trực tiếp và gián tiếp tạo việc làm cho khoảng 80.000 lao động;
- Khoảng 90% số hộ nông dân trên địa bàn nông thôn có tham gia kinh tế tập thể hoặc có sử dụng các dịch vụ của tổ hợp tác, hợp tác xã;
- Doanh thu bình quân hàng năm của hợp tác xã đạt khoảng 1.500 triệu đồng, tổ hợp tác đạt khoảng 200 triệu đồng;
- Thu nhập bình quân của thành viên hợp tác xã khoảng 50 triệu đồng/người/năm; thành viên tổ hợp tác khoảng 40 triệu đồng/người/năm;
- Tỷ lệ cán bộ quản lý hợp tác xã đạt trình độ sơ cấp, trung cấp khoảng 65%; đạt trình độ cao đẳng, đại học khoảng 25%;
- Nâng tỷ lệ hợp tác xã hoạt động khá, giỏi lên trên 50%; giảm số hợp tác xã yếu, kém xuống dưới 10%; số hợp tác xã làm ăn ổn định và có lãi từ 85% - 90%; thu nhập của thành viên hợp tác xã tăng khoảng 15%/năm;
- Phần đầu đóng góp của kinh tế tập thể hàng năm vào GDP của tỉnh bình quân từ 13%-14% (kể cả đóng góp của kinh tế hộ thành viên);
- Mỗi năm xây dựng ít nhất 05 mô hình hợp tác xã điển hình tiên tiến và cá nhân điển hình trong phạm vi huyện, thị xã, thành phố và ngành;
- Khoảng 80% trở lên cán bộ quản lý của hợp tác xã được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức quản lý điều hành hợp tác xã;
- Ổn định và tổ chức hoạt động hiệu quả hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về kinh tế tập thể từ tỉnh đến cơ sở.

2. Định hướng phát triển kinh tế tập thể

a) Định hướng phát triển đối với loại hình kinh tế tập thể:

- Đối với tổ hợp tác:

+ Phát triển mạnh tổ hợp tác đa dạng về lĩnh vực, ngành nghề, phù hợp điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; chú ý phát triển tổ hợp tác vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Khuyến khích phát triển các tổ hợp tác nông nghiệp tham gia các chương trình sản xuất cà phê bền vững, cà phê có chỉ dẫn địa lý; chăn nuôi và sản xuất nông sản sạch; tổ tín dụng, tổ liên kết vay vốn nhằm giúp các hộ nông dân, hộ nghèo vay vốn đầu tư phát triển sản xuất và nâng cao đời sống.

+ Hướng dẫn, tạo điều kiện để các tổ hợp tác hoạt động có hiệu quả, có định hướng phát triển ổn định, hình thành tài sản chung và đăng ký hoạt động với chính quyền địa phương. Khuyến khích và tạo môi trường thuận lợi để tổ hợp tác phát triển thành hợp tác xã, liên kết với hợp tác xã, tham gia các dự án và các tổ chức kinh tế khác.

- Đối với hợp tác xã:

+ Tập trung củng cố, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã hiện có, đảm bảo các nguyên tắc, giá trị hợp tác xã và các quy định của pháp luật. Tuyên truyền, vận động phát triển các loại hình hợp tác xã trên các địa bàn, trong đó chú trọng phát triển mô hình hợp tác xã kiểu mới, hợp tác xã trong vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, gắn với xây dựng nông thôn mới và xây dựng làng nghề.

+ Thu hút ngày càng nhiều các thành phần kinh tế tham gia thành lập hợp tác xã, làm thành viên hợp tác xã. Phát triển hợp tác xã nhằm đáp ứng các nhu cầu của thành viên, đồng thời thành viên có trách nhiệm tham gia đóng góp xây dựng hợp tác xã. Vận động hợp tác xã lấy lợi ích kinh tế làm chính, bao gồm lợi ích của thành viên và của tập thể, đồng thời phải coi trọng lợi ích xã hội và phát triển cộng đồng.

+ Phát triển hợp tác xã cả về chất lượng và số lượng, trong đó các hợp tác xã được thành lập phải có được định hướng phát triển và kế hoạch kinh doanh cụ thể, trở thành chỗ dựa vững chắc của thành viên, đáp ứng ngày càng nhiều các dịch vụ cho thành viên. Đổi mới cách nghĩ, cách làm để xây dựng hợp tác xã thực sự là một tổ chức kinh tế tự chủ, thích ứng với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế.

b) Định hướng phát triển kinh tế tập thể theo địa bàn:

- Địa bàn thị trấn, thị xã, thành phố: Phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã hoạt động trên các lĩnh vực khác nhau, với quy mô phù hợp với năng lực điều hành quản lý và nguồn vốn của các đối tượng tham gia hợp tác xã, tổ hợp tác, nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và dịch vụ đa dạng của các tầng lớp dân cư.

- Địa bàn vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số: Kinh tế tập thể là một bộ phận không thể tách rời của quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực nông nghiệp, nông thôn và nông dân, vì vậy các cấp, các ngành trong cân đối, trong xây dựng các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cần có biện pháp lồng ghép với phát triển kinh tế tập thể và cân đối các nguồn lực để thực hiện.

- Phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã thương mại, hợp tác xã với ngành nghề truyền thống, đồng thời phát triển các ngành nghề mới theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn; gắn với tạo việc làm cho lao động nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

c) Định hướng phát triển kinh tế hợp tác xã theo ngành:

- Ngành nông nghiệp: Đến năm 2020, có khoảng 172 hợp tác xã, 03 liên hiệp hợp tác xã, với 21.500 thành viên, 9.700 lao động.

- Ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp: Đến năm 2020, có khoảng 70 hợp tác xã, 02 liên hiệp hợp tác xã, với 6.900 thành viên, 3.575 lao động.

- Ngành giao thông vận tải: Đến năm 2020, có khoảng 34 hợp tác xã với 2.600 thành viên, 2.350 lao động.

- Ngành xây dựng: Đến năm 2020, có khoảng 37 hợp tác xã, 01 liên hiệp hợp tác xã, với 2.600 thành viên, 2.350 lao động.

- Ngành thương mại - dịch vụ: Đến năm 2020, có khoảng 47 hợp tác xã, 02 liên hiệp hợp tác xã, với 2.400 thành viên, 2.270 lao động.

- Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở: Đến năm 2020, có khoảng 15 Quỹ với 27.000 thành viên, 225 lao động.

3. Các giải pháp thực hiện

a) Tuyên truyền nâng cao nhận thức về kinh tế tập thể:

Tổ chức tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước đối với kinh tế tập thể, để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò của kinh tế tập thể trong đời sống kinh tế - chính trị - xã hội, nâng cao nhận thức về mô hình hợp tác xã kiểu mới, trong đó

cần chú ý và tập trung tuyên truyền cho các đối tượng là cán bộ thôn, buôn và cán bộ cấp xã, cán bộ làm công tác hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể. Đổi mới cơ chế cung cấp thông tin để các hợp tác xã, tổ hợp tác dễ dàng tiếp cận các thông tin cơ bản và cần thiết phục vụ cho hoạt động.

b) củng cố các hợp tác xã hiện có và các hợp tác xã thành lập trong giai đoạn 2016 - 2020:

- Tiếp tục giúp đỡ các hợp tác xã khá, giỏi để trở thành những mô hình hợp tác xã điển hình, tạo nhiều việc làm cho lao động địa phương; tập trung củng cố, hỗ trợ các hợp tác xã yếu, kém từng bước giải quyết được khó khăn trước mắt, tiến đến phát triển ổn định và vươn lên thành các hợp tác xã khá, giỏi; tiến hành rà soát để có hình thức xử lý thích hợp (giải thể bắt buộc, giải thể tự nguyện, phá sản) đối với hợp tác xã tồn tại hình thức, hợp tác xã ngừng hoạt động, không còn khả năng củng cố.

- Các cấp, các ngành trong tỉnh tiếp tục đề ra các giải pháp tăng cường thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể, phản ánh kịp thời và chính xác các thông tin về tình hình hoạt động của hợp tác xã, thực hiện tốt công tác củng cố, hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

c) Xây dựng và thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể:

- Chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ hợp tác xã:

Hàng năm, đề nghị ngân sách Trung ương hỗ trợ kinh phí để hỗ trợ đào tạo dài hạn cán bộ, thành viên làm công tác chuyên môn nghiệp vụ; triển khai công tác tập huấn, bồi dưỡng cán bộ tổ hợp tác, hợp tác xã.

- Chính sách hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã:

Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế tập thể và bố trí kinh phí từ ngân sách hàng năm để hỗ trợ sáng lập viên thành lập hợp tác xã các nội dung về thông tin, tư vấn kiến thức hợp tác xã, dịch vụ xây dựng điều lệ, hoàn thiện các thủ tục để thành lập, đăng ký kinh doanh với mức hỗ trợ 10 triệu đồng cho 01 hợp tác xã thành lập mới. Trường hợp hợp tác xã sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, mức hỗ trợ bằng 50% kinh phí hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã.

- Chính sách về đất đai và chính sách thuế, lệ phí:

+ Tiếp tục triển khai thực hiện các chính sách đất đai, chính sách thuế, lệ phí theo đúng quy định của Nhà nước.

+ Rà soát quỹ đất tại địa phương để ưu tiên bố trí cho các hợp tác xã có nhu cầu làm trụ sở, sân phơi, kho bãi...

+ Ưu tiên quỹ đất đối với các danh mục công trình, dự án của hợp tác xã, tổ hợp tác có nhu cầu thuộc các lĩnh vực nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, vận tải, thương mại dịch vụ...

- Chính sách hỗ trợ tín dụng:

+ Thực hiện bảo lãnh tín dụng cho các hợp tác xã được vay vốn tại các Ngân hàng thương mại để mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ theo quy định.

+ Những hợp tác xã có dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng năng lực sản xuất kinh doanh; hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, địa bàn nông thôn được ưu đãi về lãi suất và bảo lãnh tín dụng từ Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh.

+ Ngân sách tỉnh bố trí bổ sung 10.000 triệu đồng theo lộ trình 5 năm (2016 - 2020) cho Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh; với hình thức cho vay lãi suất ưu đãi,

hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển nguồn vốn, nhằm đáp ứng nhu cầu hỗ trợ về vốn vay cho các hợp tác xã.

- Chính sách hỗ trợ ứng dụng đổi mới công nghệ, xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu hàng hóa và nhân rộng mô hình hợp tác xã điển hình:

+ Hàng năm, tỉnh bố trí kinh phí để hỗ trợ trực tiếp cho các hợp tác xã, tổ hợp tác, nhằm tạo điều kiện để hợp tác xã, tổ hợp tác đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, quảng bá thương hiệu, tham gia hội chợ triển lãm, tìm kiếm, mở rộng thị trường. Hỗ trợ hợp tác xã, tổ hợp tác trong việc xây dựng và bảo hộ thương hiệu, nhãn hiệu, đặc biệt là thương hiệu, nhãn hiệu tập thể, chứng nhận, chỉ dẫn địa lý...; tổ chức xây dựng và nhân rộng các mô hình hợp tác xã kiểu mới, mô hình hợp tác xã điển hình tiên tiến. Chú trọng việc xây dựng và tổng kết các mô hình hợp tác xã theo đúng bản chất, giá trị và đảm bảo các nguyên tắc hợp tác xã.

+ Hàng năm, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh dành một phần kinh phí hỗ trợ các hợp tác xã để đổi mới, ứng dụng công nghệ.

- Chính sách hỗ trợ xây dựng mô hình hợp tác xã gắn với chuỗi sản xuất các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh (cà phê, tiêu, bơ, lúa, sắn, mật ong...):

Hàng năm, ngân sách tỉnh bố trí kinh phí để hỗ trợ hợp tác xã xây dựng nhãn hiệu tập thể, trang web và một phần cơ sở vật chất cho hợp tác xã, để xây dựng mô hình hợp tác xã sản xuất các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh gắn với chuỗi giá trị sản phẩm nông, lâm, thủy sản.

- Chính sách tạo điều kiện cho các hợp tác xã có đủ năng lực được ưu tiên tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:

+ Tạo điều kiện cho các hợp tác xã trên địa bàn tham gia vào các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn và quản lý các công trình sau khi hoàn thành, kể cả các công trình chợ và công trình hạ tầng phục vụ phát triển cụm công nghiệp và làng nghề ở nông thôn, đồng thời tham gia vào các dự án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác trên địa bàn phù hợp với năng lực của hợp tác xã. Ưu tiên cho hợp tác xã, tổ hợp tác trong việc chọn thầu thực hiện các công trình xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

+ Hàng năm, đề nghị ngân sách Trung ương hỗ trợ các hợp tác xã đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, nhất là những công trình thiết yếu phục vụ hỗ trợ cho thành viên trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp; hỗ trợ xây dựng cụm công nghiệp, cụm làng nghề nông thôn để phát triển sản xuất và kinh doanh.

- Chính sách hỗ trợ hợp tác xã, tổ hợp tác trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số:

+ Khuyến khích và tạo điều kiện ưu tiên cho các hợp tác xã, tổ hợp tác nông nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ nhận khoán đất của các công ty nông, lâm nghiệp (nơi còn quỹ đất) và nhận đất hoang hoá, đồi núi trọc để tổ chức sản xuất nông lâm nghiệp theo quy hoạch và dự án được duyệt.

+ Tiếp tục nghiên cứu bổ sung, sửa đổi và triển khai chính sách phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số phù hợp với tình hình và yêu cầu phát triển. Hàng năm, tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

4. Tổng kinh phí thực hiện Nghị quyết: 43.250 triệu đồng (Bốn mươi ba tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng), trong đó:

- Kinh phí đề nghị Trung ương hỗ trợ: 21.700 triệu đồng
- Kinh phí do Ngân sách tỉnh hỗ trợ: 21.550 triệu đồng

(Kinh phí hỗ trợ theo từng chương trình và theo từng năm chi tiết tại phụ lục kèm theo).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa IX, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 30 tháng 8 năm 2016 và có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 9 năm 2016./.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê

PHỤ LỤC
KINH PHÍ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ TỈNH
*(Kèm theo Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2016
của HĐND tỉnh Đắk Lắk)*

1. Đề nghị ngân sách Trung ương hỗ trợ:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung hỗ trợ	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng
1	Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ HTX, tổ hợp tác	840	840	840	840	840	4.200
2	Đào tạo Đại học, cao đẳng	100	200	300	400	500	1.500
3	Hỗ trợ ứng dụng đổi mới công nghệ, khuyến nông, khuyến công	800	800	800	800	800	4.000
4	Hỗ trợ xây dựng mô hình HTX gắn với chuỗi sản xuất các sản phẩm nông, lâm, thủy sản chủ lực của tỉnh		500	500	500	500	2.000
5	Hỗ trợ HTX được ưu tiên tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	10.000
	Tổng cộng	3.740	4.340	4.440	4.540	4.640	21.700

2. Ngân sách Tỉnh bố trí:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung hỗ trợ	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng
1	Thành lập mới HTX	200	200	200	200	200	1.000
2	Hỗ trợ công tác tuyên truyền	350	350	350	350	350	1.750
3	Bổ sung Quỹ hỗ trợ phát triển HTX	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	10.000
4	Hỗ trợ ứng dụng đổi mới công nghệ, xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu hàng hóa và nhân rộng mô hình HTX điển hình	1.200	1.200	1.200	1.200	1.200	6.000
5	Hỗ trợ xây dựng mô hình HTX gắn với chuỗi sản xuất các sản phẩm nông, lâm, thủy sản chủ lực của tỉnh		300	500	500	500	1.800
6	Hỗ trợ HTX NN vùng đồng bào dân tộc thiểu số	200	200	200	200	200	1.000
	Tổng cộng	3.950	4.250	4.450	4.450	4.450	21.550